

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG THÔNG TƯ 81/2015/TT-BGTVT, THÔNG TƯ 14/2017/TT-BGTVT, THÔNG TƯ 33/2017/TT-BGTVT VÀ DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 81/2015/TT-BGTVT, THÔNG TƯ 14/2017/TT-BGTVT, THÔNG TƯ 33/2017/TT-BGTVT

STT	Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 21/2020/TT-BGTVT	DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GIẢI TRÌNH
1	Điều 8. Nghĩa vụ tối thiểu của hãng hàng không đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách bị từ chối vận chuyển 1. Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) muộn hơn 15 phút so với thời gian dự kiến cất cánh theo lịch bay của hãng hàng không được công bố cập nhật đến 15 giờ của ngày hôm trước ngày chuyến bay dự kiến khai thác. 2. Trong trường hợp chuyến bay bị chậm, hãng hàng không có nghĩa vụ: a) Cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cho hành khách theo phương thức thích hợp; phục vụ ăn, uống; bố trí nơi nghỉ, ngủ phù hợp theo quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành; b) Chuyển đổi hành trình phù hợp cho hành khách hoặc chuyển sang chuyến bay khác: đối với chuyến bay chậm từ 02 giờ trở lên, trong phạm vi cung cấp dịch vụ vận chuyển của hãng hàng không, phải thực hiện việc chuyển đổi hành trình để hành khách tới được điểm cuối	Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau: “Điều 8. Nghĩa vụ tối thiểu của hãng hàng không đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách bị từ chối vận chuyển 1. Chuyến bay bị chậm là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế (Actual Off Block Time-AOBT, là thời gian thực tế tàu bay được đẩy hoặc bắt đầu di chuyển khỏi vị trí đỗ) muộn trên 15 phút so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay của hãng hàng không được cập nhật đến thời điểm 22 giờ (giờ Hà Nội) vào hệ thống dữ liệu của Người khai thác Cảng hàng không của ngày hôm trước ngày dự kiến khai thác. 2. Trong trường hợp chuyến bay bị chậm do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ : a) Cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cho hành khách theo phương thức thích hợp; phục vụ ăn, uống; bố trí nơi nghỉ, ngủ phù hợp theo quy định chất lượng	Lý do sửa đổi: 1. Định nghĩa hiện nay chưa phù hợp với thực tiễn khai thác cụ thể: - Chỉ số thời gian khởi hành thực tế AOBT đang được thực hiện trong quy trình phối hợp ra quyết định tại sân ACDM. Việc sử dụng thuật ngữ “ thời gian dự kiến cất cánh” không còn phù hợp và dễ gây nhầm lẫn với chỉ số thời điểm tàu bay cất cánh tại đường hạ cất cánh. - Việc đối chiếu chuyến bay bị chậm theo lịch bay của các hãng hàng không cập nhật vào dữ liệu của người khai thác Cảng sẽ giúp công tác thống kê, tổng hợp chuyến bay chậm được thuận tiện, công khai và khách quan. 2. Sửa đổi một số nội dung về nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chuyến bay

của hành trình, miễn trừ điều kiện hạn chế về chuyển đổi hành trình hoặc chuyển đổi chuyến bay và phụ thu liên quan (nếu có) cho hành khách; c) Bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp các chuyến bay chậm kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành; d) Hoàn trả tiền vé cho hành khách: trong trường hợp chuyến bay chậm từ 05 giờ trở lên, hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng theo sự lựa chọn của hành khách tại cảng hàng không hoặc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định. Việc hoàn vé cho hành khách được quy định như sau: (i) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé (nếu có); (ii) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà hành khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá dịch vụ vận chuyển; các khoản thuế, phí do Nhà nước quy định, giá dịch vụ soi chiếu an ninh, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phụ thu khác có liên quan theo hóa đơn hợp pháp do hành khách cung cấp; (iii) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé, các dịch vụ khác đã sử dụng cho hành trình của hành khách.	dịch vụ hành khách tại cảng hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, và b) Chuyển đổi hành trình phù hợp cho hành khách hoặc chuyển sang chuyến bay khác: đối với chuyến bay chậm từ 02 giờ trở lên, trong phạm vi cung cấp dịch vụ vận chuyển của hãng hàng không, phải thực hiện việc chuyển đổi hành trình để hành khách tới được điểm cuối của hành trình, miễn trừ điều kiện hạn chế về chuyển đổi hành trình hoặc chuyển đổi chuyến bay và phụ thu liên quan (nếu có) cho hành khách; hoặc c) Bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp các chuyến bay chậm kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành; hoặc d) Hoàn trả tiền vé cho hành khách: trong trường hợp chuyến bay chậm từ 05 giờ trở lên, hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng theo sự lựa chọn của hành khách tại cảng hàng không hoặc tại các văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định. 3. Việc hoàn vé cho hành khách theo điểm d khoản 2 được quy định như sau: a) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé (nếu có);	bị chậm, hủy để phù hợp với Điều 146 Luật HKDD Việt Nam
--	---	--

3. Chuyến bay bị hủy là việc không thực hiện một chuyến bay mà lịch bay để đặt chỗ, bán vé của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống bán vé đặt chỗ (CRS) của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ dự kiến cất cánh. 4. Trường hợp chuyến bay bị hủy, hành khách bị từ chối vận chuyển hãng hàng không có trách nhiệm: a) Thông báo cho hành khách biết lý do của việc chuyến bay bị hủy, bị từ chối vận chuyển; b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này; c) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại điểm b của khoản này theo thỏa thuận với hành khách; d) Được miễn thực hiện các nghĩa vụ tại điểm a, b, c khoản này đối với trường hợp hành khách bị từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 146 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. 5. Chuyến bay khởi hành sớm là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) sớm hơn thời gian dự kiến cất cánh theo lịch bay của hãng hàng không được công bố cập nhật đến 15 giờ của ngày hôm trước ngày chuyến bay dự kiến khai thác. 6. Trường hợp chuyến bay khởi hành sớm, hãng hàng không có trách nhiệm:	b) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà hành khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá dịch vụ vận chuyển; các khoản thuế, phí do Nhà nước quy định, giá dịch vụ soi chiếu an ninh, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phụ thu khác có liên quan theo hóa đơn hợp pháp do hành khách cung cấp; c) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé, các dịch vụ khác đã sử dụng cho hành trình của hành khách. 4. Trong trường hợp chuyến bay bị chậm không phải do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không được miễn trừ thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này. 5. Chuyến bay bị hủy là việc không thực hiện một chuyến bay mà lịch bay để đặt chỗ, bán vé của chuyến bay này đã được công bố trên hệ thống bán vé đặt chỗ (CRS) của người vận chuyển trong vòng 24 giờ trước giờ khởi hành dự kiến. 6. Ngay sau khi có quyết định hủy chuyến bay, hãng hàng không có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ hàng không và Người khai thác cảng về việc hủy chuyến bay nhưng không muộn hơn 12 giờ so với thời gian khởi hành dự kiến theo lịch.	
---	---	--

	a) Thông báo cho hành khách biết lý do của việc chuyển bay khởi hành sớm; b) Thực hiện nghĩa vụ đối với hành khách đã xác nhận chỗ nhưng không thực hiện được chuyển bay theo trường hợp chuyển bay bị chậm chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều này.	7. Trường hợp chuyển bay bị hủy, hành khách bị từ chối vận chuyển hãng hàng không có trách nhiệm: a) Thông báo cho hành khách biết lý do của việc chuyển bay bị hủy, bị từ chối vận chuyển; b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này; c) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại điểm b của khoản này theo thỏa thuận với hành khách; d) Được miễn thực hiện các nghĩa vụ tại điểm a, b (trừ việc miễn nghĩa vụ hoàn trả tiền vé cho hành khách theo quy định tại điểm d) và c tại khoản 2 đối với trường hợp hành khách bị từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 146 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. 8. Chuyển bay khởi hành sớm là chuyển bay có thời gian khởi hành thực tế sớm hơn 15 phút so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay của hãng hàng không được cập nhật đến thời điểm 22 giờ (giờ Hà Nội) vào hệ thống dữ liệu của Người khai thác Cảng hàng không của ngày hôm trước ngày dự kiến khai thác. 9. Trường hợp chuyển bay khởi hành sớm, hãng hàng không có trách nhiệm: a) Thông báo cho hành khách lý do của việc chuyển bay khởi hành sớm;	
--	--	---	--

		b) Thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này đối với hành khách đã được xác nhận chỗ mà không nhận được thông báo, không thực hiện được chuyển bay hoặc không đồng ý với việc thay đổi kế hoạch.	
2	Điều 14. Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp 1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	Sửa đổi, bổ sung Điều 14 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT) như sau: “Điều 14. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp 1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cảng vụ hàng không theo các hình thức trực tiếp, qua đường bưu chính, trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; b) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.	Lý do sửa đổi: thực hiện Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT trong lĩnh vực hàng không dân dụng (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022) và phù hợp với các nội dung sửa đổi phân cấp

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận. 2. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài; d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	2. Doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cảng vụ hàng không theo các hình thức trực tiếp, qua đường bưu chính, trên môi trường mạng hoặc bằng các hình thức khác và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; b) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài. 3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cảng vụ hàng không nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lời người đề nghị về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cảng vụ hàng không nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cảng vụ hàng không hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định. 4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp phí theo	
---	--	--

	Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định. 4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp lệ phí theo quy định pháp luật. 5. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Theo đề nghị của doanh nghiệp; b) Doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận. 6. Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Giấy chứng nhận đã được cấp.	quy định pháp luật. Thời gian thực hiện nộp phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. 5. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp do Cảng vụ hàng không cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Doanh nghiệp ngừng hoạt động xuất vận đơn hàng không 06 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận; b) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 6. Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi, Cảng vụ hàng không ban hành văn bản thu hồi Giấy chứng nhận và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay hoạt động đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Giấy chứng nhận đã được cấp. 7. Thay thế các Phụ lục IX, X và XIV ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT tương ứng với các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Thông tư này.	

STT	Thông tư 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/4/2015 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 27/2017/TT-BGTVT)	DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ (đã được sửa đổi bởi TT27) 1. "Bồi thường ứng trước không hoàn lại" là việc bồi thường bằng tiền hoặc bằng các hình thức phù hợp khác mà người vận chuyển phải trả cho hành khách trong các trường hợp theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc xác định mức thiệt hại thực tế của hành khách. 2. “Hành khách bị từ chối vận chuyển” là hành khách đã có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng bị người vận chuyển từ chối vận chuyển. 3. “Thời gian cất cánh thực tế (ATD)” là thời điểm bắt đầu tính từ lúc rút chèn (chock-off). 4. “Lịch bay căn cứ” là phiên bản cuối cùng lịch bay ngày của hãng hàng không được cập nhật tới Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không, các Công ty Quản lý bay khu vực liên quan không muộn hơn 22h00 giờ Hà Nội (15h00 UTC) của ngày hôm trước ngày khai thác. 5. “Lịch hủy” là lịch hủy các chuyến bay của hãng hàng không được thông báo đến Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không, các Công ty Quản lý bay khu vực liên quan không muộn hơn 24 giờ so với giờ dự kiến khởi hành. 6. “Chuyến bay bị hủy” là chuyến bay không được thực hiện trên cơ sở lịch hủy của hãng hàng không.	Sửa đổi, bổ sung Điều 2 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 27/2017/TT-BGTVT như sau: “Điều 2. Giải thích từ ngữ 1. Bồi thường ứng trước không hoàn lại là việc bồi thường bằng tiền hoặc bằng các hình thức phù hợp khác mà người vận chuyển phải trả cho hành khách trong các trường hợp theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc xác định mức thiệt hại thực tế của hành khách. 2. Hành khách bị từ chối vận chuyển là hành khách đã có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng bị người vận chuyển từ chối vận chuyển. 3. Thời gian khởi hành thực tế (Actual Off Block Time-AOBT) là thời gian thực tế tàu bay được đẩy hoặc bắt đầu di chuyển khỏi vị trí đỗ. 4. Chuyến bay bị chậm kéo dài là chuyến bay có thời gian khởi hành thực tế muộn trên 4 tiếng so với thời gian khởi hành theo kế hoạch trong lịch bay của hãng hàng không được cập nhật đến thời điểm 22 giờ (giờ Hà Nội) của ngày hôm trước ngày dự kiến khai thác trong hệ thống dữ liệu của người khai thác cảng hàng không.	Định nghĩa hiện nay chưa phù hợp với thực tiễn khai thác cụ thể: - Chỉ số thời gian khởi hành thực tế AOBT đang được thực hiện trong quy trình phối hợp ra quyết định tại sân ACDM. Việc sử dụng thuật ngữ “ thời gian dự kiến cất cánh” không còn phù hợp và dễ gây nhầm lẫn với chỉ số thời điểm tàu bay cất cánh tại đường hạ cất cánh. - Việc đối chiếu chuyến bay bị chậm theo lịch bay của các hãng hàng không cập nhật vào dữ liệu của người khai thác Cảng sẽ giúp công tác thống kê, tổng hợp chuyến bay chậm được thuận tiện, công khai và khách quan. - Việc lấy lịch bay của chuyến bay được công bố trên hệ thống đặt chỗ, bán vé của người vận chuyển trong vòng 24 giờ so với thời gian khởi hành dự kiến giúp công tác giám sát trách nhiệm và nghĩa

	7. “Chuyến bay bị chậm kéo dài” là chuyến bay có giờ khởi hành thực tế (tính từ thời điểm rút chèn tàu bay) muộn hơn 4 giờ trở lên so với thời gian dự kiến cất cánh theo lịch bay căn cứ. 8. “Người vận chuyển” là hãng hàng không khai thác thực tế các chuyến bay. 9. “Xác nhận chỗ” là việc người vận chuyển xác nhận hành khách đã có chỗ trên chuyến bay.	5. Người vận chuyển là hãng hàng không khai thác thực tế các chuyến bay. 6. Xác nhận chỗ là việc người vận chuyển xác nhận hành khách đã có chỗ trên chuyến bay. 7. Lịch bay căn cứ là lịch bay của hãng hàng không được cập nhật đến thời điểm 22 giờ (giờ Hà Nội) vào hệ thống dữ liệu của Người khai thác Cảng hàng không của ngày hôm trước ngày dự kiến khai thác.”	vụ của người vận chuyển đối với trường hợp chuyến bay bị hủy được thực hiện sát với thực tế và phù hợp với thông lệ quốc tế.
2		Thay thế cụm từ “cất cánh” bằng cụm từ “khởi hành” tại khoản 5, 7 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT, điểm a khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 10.	Sửa đổi do cần thay đổi và đồng bộ các thuật ngữ tương ứng.
STT	Thông tư 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 21/2020/TT-BGTVT)	DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
1	Điều 4. Báo cáo số liệu 1. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo số liệu đến Bộ Giao thông vận tải gồm: a) Báo cáo sản xuất, kinh doanh về vận tải - xếp dỡ (hàng tháng) theo Mẫu HK-1 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ ngày 01 đến cuối tháng, báo cáo trước ngày 10 của tháng kế tiếp; b) Báo cáo phương tiện vận tải (6 tháng) theo Mẫu HK-2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ tháng 01 đến hết tháng 6, báo cáo trước ngày 20	Bổ sung, sửa đổi một số nội dung của Điều 4 như sau: - Bổ sung khoản 6b, Điều 4 như sau: 6b. Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không bao gồm: Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến các hãng hàng không Việt Nam tại cảng hàng không, sân bay (hàng ngày) theo Mẫu CHK-01 tại Phụ lục IV ban hành	- Hiện nay, Cục HKVN công bố số liệu chậm hủy chuyến dựa trên số liệu báo cáo trực tiếp của các hãng hàng không và Cảng vụ hàng không. Điều này dẫn đến thiếu sự khách quan, do vậy, cần có thêm số liệu của người khai thác cảng là đơn vị trực tiếp điều hành các hoạt động khai thác tại cảng, trong đó có

	tháng 7; số liệu từ tháng 7 đến hết tháng 12, báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm kế tiếp; 8. Thể thức, định dạng, phương thức báo cáo các báo cáo số liệu: a) Phần mềm ứng dụng cho việc xây dựng các báo cáo: Microsoft Excel; b) Các định dạng cơ bản trên máy (Regional Settings): dấu phân cách phần nghìn trong các số: “.” (dấu chấm); dấu phân cách phần thập phân trong các số: “,” (dấu phẩy); số lượng số sau dấu phẩy: 02 chữ số; hệ đo lường: Metric; ngày tháng: ngày/tháng/năm (dd/mm/yyyy); phông chữ: UNICODE (Times New Roman), 14 pt; c) Các cơ quan, đơn vị thực hiện gửi báo cáo số liệu qua thư điện tử (E-mail) về các đầu mối tiếp nhận báo cáo.	kèm theo Thông tư này: số liệu từ 00 giờ 00 đến hết 23 giờ 59 (giờ Hà Nội), báo cáo trước 09 giờ 00 ngày thứ hai kế tiếp của ngày báo cáo. - Sửa đổi điểm e, khoản 4, Điều 4 như sau: “e) Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến (hàng ngày) theo Mẫu HHK-6 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: số liệu từ 00 giờ 00 đến hết 23 giờ 59 (giờ Hà Nội), báo cáo trước 15 giờ 00 ngày kế tiếp, trong đó: báo cáo đến Cục Hàng không Việt Nam: số liệu toàn mạng; báo cáo đến Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay và Người khai thác cảng hàng không, sân bay: số liệu tại từng cảng hàng không tương ứng;”	số liệu về các chuyến bay cất cánh. - Thay đổi mốc thời gian báo cáo để đồng bộ với các báo cáo của Cục HKVN, Cảng vụ hàng không.
2		Thay thế cụm từ “cất cánh” bằng cụm từ “khởi hành” tại điểm a khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT, điểm g khoản 3 Điều 4.	Sửa đổi do cần thay đổi và đồng bộ các thuật ngữ tương ứng.
3		Bổ sung, thay thế các mẫu được ban hành kèm theo Phụ lục IV Thông tư này như sau: a) Bổ sung Mẫu CHK-01; b) Thay thế các Mẫu HK-1, Mẫu HK-2, Mẫu HK-3, Mẫu HK-4, Mẫu CV-1, Mẫu CV-2, Mẫu CV-3, Mẫu CV-4, Mẫu CV-5, Mẫu QLB-1, Mẫu QLB-2, Mẫu QLB-3, Mẫu QLB-4, Mẫu QLB-5, Mẫu QLB-6, Mẫu HHK-1, Mẫu HHK-2, Mẫu HHK-3,	Sửa đổi do cần thay đổi, đồng bộ các thuật ngữ tương ứng và đáp ứng các quy định theo Thông tư số 44/2019/TT-BGTVT.

		Mẫu HHK-4, Mẫu HHK-5, Mẫu HHK-6, Mẫu HHK-7, Mẫu HHK-8, Mẫu XDHK, Mẫu PVMĐ.	
--	--	--	--